

Số: /2023/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

(Dự thảo 2)

**THÔNG TƯ****Qui định về đánh giá, công nhận****“Cộng đồng học tập” cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên;

Sau khi thống nhất với Hội Khuyến học Việt Nam tại Công văn số ...../CV-HKHN ngày tháng năm 2023, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh.

**Chương I****QUI ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh, bao gồm: tiêu chí đánh giá, công nhận; Quy trình đánh giá, công nhận và tổ chức thực hiện đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh.

2. Thông tư này áp dụng đối với các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) và các tổ chức, cá nhân liên quan.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. “Cộng đồng học tập” cấp xã chỉ tập hợp dân cư sống trên địa bàn hành chính cấp xã, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại Thông tư này.

2. “Cộng đồng học tập” cấp huyện chỉ tập hợp dân cư sống trên địa bàn hành chính cấp huyện, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại Thông tư này.

3. “*Cộng đồng học tập*” cấp tỉnh chỉ tập hợp dân cư sống trên địa bàn hành chính cấp tỉnh, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí qui định tại Thông tư này.

### **Điều 3. Mục đích**

1. Giúp Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng kế hoạch thực hiện và huy động nguồn lực tạo điều kiện, cơ hội cho mọi người thuộc mọi lứa tuổi, trình độ trong cộng đồng được học tập thường xuyên, học tập suốt đời dưới nhiều hình thức khác nhau góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam.

2. Giúp Ủy ban nhân dân các cấp đánh giá thực trạng kết quả xây dựng xã hội học tập làm căn cứ đề ra các mục tiêu, biện pháp chỉ đạo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

### **Điều 4. Yêu cầu đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh**

1. Bảo đảm công khai, công bằng, minh bạch, khách quan.

2. Đề cao trách nhiệm tự đánh giá của Ủy ban nhân dân các cấp; trách nhiệm đánh giá, công nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo qui định tại Thông tư này.

### **Điều 5. Các mức đánh giá, công nhận; thời gian đánh giá, công nhận và thời hạn công nhận lại “Cộng đồng học tập” cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh**

1. Các mức đánh giá, công nhận: Cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh được đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh theo 3 mức: mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3, trong đó mức độ 3 là mức độ cao nhất.

2. Thời gian đánh giá, công nhận: Việc đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh được thực hiện hằng năm. Thời điểm ấn định các thông tin, số liệu để tự đánh giá, công nhận là ngày 15 tháng 02 của năm sau liền kề năm đánh giá.

3. Thời hạn công nhận lại “Cộng đồng học tập” cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh: Thời hạn công nhận lại “Cộng đồng học tập” cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh theo các mức độ qui định tại khoản 2 điều này là 05 năm kể từ ngày công nhận lần trước.

## **Chương II**

### **ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN “CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” CẤP XÃ**

#### **Mục 1. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN “CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” CẤP XÃ**

#### **Điều 6. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã mức độ 1**

1. Tiêu chí 1: Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã

a) Thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

b) Ban hành theo thẩm quyền các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

c) Tổ chức triển khai, thực hiện các chương trình, kế hoạch thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

2. Tiêu chí 2: Huy động nguồn lực và tạo môi trường thuận lợi của chính quyền để thực hiện xây dựng xã hội học tập ở địa phương

a) Hằng năm có bố trí kinh phí từ ngân sách của xã cho việc thực hiện xây dựng xã hội học tập theo qui định của pháp luật.

b) Có triển khai các hoạt động vận động, huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập ở địa phương theo chủ trương xã hội hóa .

3. Tiêu chí 3: Kết quả phổ cập giáo dục - xóa mù chữ.

a) Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi theo qui định của Chính phủ.

b) Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1 theo qui định của Chính phủ.

c) Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1 theo qui định của Chính phủ.

c) Xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 theo qui định của Chính phủ.

4. Tiêu chí 4: Kết quả học tập của người dân

a) Tỷ lệ người dân trong xã (cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức, cơ quan, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và người lao động trên địa bàn cấp xã) được công nhận đạt danh hiệu công dân học tập đạt từ 30% đến dưới 40% (tiêu chí đánh giá, công nhận và Quy trình đánh giá, công nhận được qui định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này).

b) Tỷ lệ gia đình được công nhận đạt danh hiệu “Gia đình học tập” đạt từ 60% đến dưới 70% (tiêu chí đánh giá, công nhận và Quy trình đánh giá, công nhận được qui định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này).

c) Tỷ lệ dòng họ được công nhận đạt danh hiệu “Dòng họ học tập” đạt từ 55% đến dưới 65% (tiêu chí đánh giá, công nhận và Quy trình đánh giá, công nhận được qui định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này).

d) Tỷ lệ cộng đồng (thôn, bản, tổ dân phố và tương đương) được công nhận đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập” cấp thôn, bản, tổ dân phố đạt từ 50% đến dưới 60% (tiêu chí đánh giá, công nhận và Quy trình đánh giá, công nhận được qui định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này).

đ) Tỷ lệ tổ chức, cơ quan, trường học, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn cấp xã được công nhận đạt danh hiệu “Đơn vị học tập” cấp xã đạt từ 70% đến dưới 80% (tiêu chí đánh giá, công nhận và Quy trình đánh giá, công nhận được qui định tại Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này).

e) Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin theo qui định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt từ 40% đến dưới 50%.

g) Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống đạt từ 40% đến dưới 50%.

h) Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật đạt từ 45% đến dưới 50%. Trong đó, tỷ lệ người dân có trình độ đại học trở lên đạt từ 10% đến dưới 12%.

#### 5. Tiêu chí 5: Hoạt động của các cơ sở giáo dục và các thiết chế văn hóa

a) Số trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở trên địa bàn triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số đạt từ 50% đến dưới 60%.

b) Trung tâm học tập cộng đồng xã có tủ sách và thiết bị số phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục và phục vụ học tập suốt đời.

c) Trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn thường xuyên tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao.

d) Thư viện công cộng cấp xã, thư viện cộng đồng có cung cấp các dịch vụ phục vụ học tập suốt đời.

#### 6. Tiêu chí 6: Tác dụng của việc học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập

a) Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 5% đến dưới 7% so với năm trước.

b) Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động giảm từ 0,5% đến dưới 0,7% so với năm trước.

c) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo qui định đạt từ 50% đến dưới 70%.

d) Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt từ 25% đến dưới 40% trở lên.

đ) Vệ sinh, an toàn thực phẩm được đảm bảo; công tác phòng chống dịch bệnh được triển khai thực hiện nghiêm túc.

### **Điều 7. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã mức độ 2**

#### 1. Tiêu chí 1: Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã

a) Thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

b) Ban hành theo thẩm quyền các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

c) Tổ chức triển khai, thực hiện đầy đủ các chương trình, kế hoạch thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

2. Tiêu chí 2: Huy động nguồn lực và tạo môi trường thuận lợi của chính quyền để thực hiện xây dựng xã hội học tập ở địa phương

a) Hằng năm có bố trí kinh phí từ ngân sách của xã cho việc thực hiện xây dựng xã hội học tập theo qui định của pháp luật.

b) Có triển khai các hoạt động vận động, huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập ở địa phương theo chủ trương xã hội hóa .

3. Tiêu chí 3: Kết quả phổ cập giáo dục - xóa mù chữ.

a) Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 theo qui định của Chính phủ.

b) Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 theo qui định của Chính phủ.

c) Xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo qui định của Chính phủ.

4. Tiêu chí 4: Kết quả học tập của người dân

a) Tỷ lệ người dân trong xã được công nhận đạt danh hiệu công dân học tập đạt từ 40% đến dưới 50% .

b) Tỷ lệ gia đình được công nhận đạt danh hiệu “Gia đình học tập” đạt từ 70% đến dưới 80%.

c) Tỷ lệ dòng họ được công nhận đạt danh hiệu “Dòng họ học tập” đạt từ 65% đến dưới 75%.

d) Tỷ lệ cộng đồng cấp thôn, bản, tổ dân phố được công nhận đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập” đạt từ 60% đến dưới 70%.

đ) Tỷ lệ tổ chức, cơ quan, trường học, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn cấp xã được công nhận đạt danh hiệu “Đơn vị học tập” cấp xã đạt từ 80% đến dưới 90%.

e) Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin theo qui định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt từ 50% đến dưới 60%.

g) Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống đạt từ 50% đến dưới 60%.

h) Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật đạt từ 50% đến dưới 55%. Trong đó, tỷ lệ người dân có trình độ đại học trở lên đạt từ 12% đến dưới 13,5%.

5. Tiêu chí 5: Hoạt động của các cơ sở giáo dục và các thiết chế văn hóa

a) Số trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở trên địa bàn triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số đạt từ 60% đến dưới 70%.

b) Trung tâm học tập cộng đồng xã có tủ sách và thiết bị số phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục và phục vụ học tập suốt đời.

c) Trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn thường xuyên tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao.

d) Thư viện công cộng cấp xã, thư viện cộng đồng có cung cấp các dịch vụ phục vụ học tập suốt đời.

6. Tiêu chí 6: Tác dụng của việc học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập

a) Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 7% đến dưới 10% so với năm trước.

b) Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động giảm từ 0,7% đến dưới 1,0% so với năm trước.

c) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo qui định đạt từ 70% đến dưới 90%.

d) Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt từ 40% đến dưới 55% trở lên.

đ) Vệ sinh, an toàn thực phẩm được đảm bảo; công tác phòng chống dịch bệnh được triển khai thực hiện nghiêm túc.

### **Điều 8. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã mức độ 3**

1. Tiêu chí 1: Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã

a) Thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

b) Ban hành theo thẩm quyền các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

c) Tổ chức triển khai, thực hiện đầy đủ các chương trình, kế hoạch thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

2. Tiêu chí 2: Huy động nguồn lực và tạo môi trường thuận lợi của chính quyền để thực hiện xây dựng xã hội học tập ở địa phương

a) Hằng năm có bố trí kinh phí từ ngân sách của xã cho việc thực hiện xây dựng xã hội học tập theo qui định của pháp luật.

b) Có triển khai các hoạt động vận động, huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập ở địa phương theo chủ trương xã hội hóa và đạt kết quả tích cực.

3. Tiêu chí 3: Kết quả phổ cập giáo dục - xóa mù chữ.

a) Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 theo qui định của Chính phủ.

b) Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 theo qui định của Chính phủ.

c) Xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo qui định của Chính phủ.

4. Tiêu chí 4: Kết quả học tập của người dân

a) Tỷ lệ người dân trong xã được công nhận đạt danh hiệu công dân học tập đạt từ 50% trở lên.

b) Tỷ lệ gia đình được công nhận đạt danh hiệu “Gia đình học tập” đạt từ 80% trở lên.

c) Tỷ lệ dòng họ được công nhận đạt danh hiệu “Dòng họ học tập” đạt từ 75% trở lên.

d) Tỷ lệ cộng đồng được công nhận đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập” cấp thôn, bản, tổ dân phố đạt từ 70% trở lên.

đ) Tỷ lệ tổ chức, cơ quan, trường học, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn cấp xã được công nhận đạt danh hiệu “Đơn vị học tập” cấp xã đạt từ 90% trở lên.

e) Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin đạt từ 60% trở lên.

g) Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống đạt từ 60% trở lên.

h) Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật đạt từ 55% trở lên. Trong đó, tỷ lệ người dân có trình độ đại học trở lên đạt từ 13,5% trở lên.

5. Tiêu chí 5: Hoạt động của các cơ sở giáo dục và các thiết chế văn hóa

a) Số trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở trên địa bàn triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số đạt từ 70% trở lên.

b) Trung tâm học tập cộng đồng xã bảo đảm đầy đủ tủ sách và thiết bị số phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục và phục vụ học tập suốt đời.

c) Trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn thường xuyên tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao thu hút đông người dân đến tham gia sinh hoạt.

d) Thư viện công cộng cấp xã, thư viện cộng đồng có cung cấp các dịch vụ phục vụ học tập suốt đời và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức các dịch vụ hỗ trợ học tập trên nền tảng công nghệ số.

6. Tiêu chí 6: Tác dụng của việc học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập

a) Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 10% trở lên so với năm trước.

b) Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động giảm từ 1,0% trở lên so với năm trước.

c) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo qui định đạt từ 90% trở lên.

d) Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt từ 55% trở lên.

đ) Vệ sinh, an toàn thực phẩm được đảm bảo; công tác phòng chống dịch bệnh được triển khai thực hiện nghiêm túc. Trong năm không có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn hoặc nếu có đã được khống chế, xử lý hiệu quả.

## **Mục 2. QUI TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN “CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” CẤP XÃ**

### **Điều 9. Quy trình tự đánh giá và đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã**

1. Quy trình tự đánh giá

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao trung tâm học tập cộng đồng xã chủ trì xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

b) Các đầu việc tự đánh giá bao gồm:

- Bước 1: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

- Bước 2: Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.

- Bước 3: Viết báo cáo tự đánh giá và công bố báo cáo tự đánh giá.

2. Quy trình đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã gửi tờ trình đề nghị phòng giáo dục và đào tạo kiểm tra công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã theo mức độ.

b) Phòng giáo dục và đào tạo tổ chức đánh giá, xem xét, quyết định công nhận xã đạt “Cộng đồng học tập” cấp xã theo các mức độ qui định tại khoản 2 Điều 10 của Thông tư này.

### **Điều 10. Điều kiện và mức độ công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã**

1. Điều kiện công nhận:

Cấp xã được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã khi đáp ứng đầy đủ mức đạt được theo từng tiêu chí qui định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Thông tư này.

2. Mức độ công nhận:



a) Mức độ 1: Xã được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã mức độ 1 khi đáp ứng đầy đủ mức đạt được theo từng tiêu chí qui định tại Điều 5 của Thông tư này.

b) Mức độ 2: Xã được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã mức độ 2 khi đáp ứng đầy đủ mức đạt được theo từng tiêu chí qui định tại Điều 6 của Thông tư này.

c) Mức độ 3: Xã được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã mức độ 3 khi đáp ứng đầy đủ mức đạt được theo từng tiêu chí qui định tại Điều 7 của Thông tư này.

### **Chương III**

## **ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN “CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” CẤP HUYỆN**

### **Mục 1. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN “CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” CẤP HUYỆN**

#### **Điều 11. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện mức độ 1**

1. Tiêu chí 1: Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp huyện

a) Thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

b) Ban hành theo thẩm quyền các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

c) Tổ chức triển khai, thực hiện đầy đủ các chương trình, kế hoạch thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

2. Tiêu chí 2: Huy động nguồn lực và tạo môi trường thuận lợi của chính quyền để thực hiện xây dựng xã hội học tập ở địa phương

a) Hằng năm bố trí kinh phí từ ngân sách của huyện cho việc thực hiện xây dựng xã hội học tập theo qui định của pháp luật.

b) Có triển khai các hoạt động vận động, huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập ở địa phương theo chủ trương xã hội hóa .

c) Thực hiện các chính sách thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập do trung ương và tỉnh ban hành.

3. Tiêu chí 3: Kết quả xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp xã và đơn vị học tập cấp huyện

a) Có ít nhất 90% số xã được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã mức độ 1 theo qui định tại điểm a khoản 2 Điều 10 của Thông tư này.

b) Có ít nhất 90% số cơ quan, đơn vị cấp huyện được công nhận là Đơn vị học tập mức độ 1 theo qui định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Điều 12. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện mức độ 2**

1. Tiêu chí 1: Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp huyện

a) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

b) Ban hành theo thẩm quyền các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

c) Tổ chức triển khai, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chương trình, kế hoạch thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

2. Tiêu chí 2: Huy động nguồn lực và tạo môi trường thuận lợi của chính quyền để thực hiện xây dựng xã hội học tập ở địa phương

a) Hằng năm bố trí kinh phí từ ngân sách của huyện cho việc thực hiện xây dựng xã hội học tập theo quy định của pháp luật.

b) Có triển khai các hoạt động vận động, huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập ở địa phương theo chủ trương xã hội hóa .

c) Thực hiện các chính sách thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập do trung ương và tỉnh ban hành.

3. Tiêu chí 3: Kết quả xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp xã và đơn vị học tập cấp huyện

a) Có ít nhất 90% số xã được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã mức độ 1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Thông tư này.

b) Có ít nhất 90% số cơ quan, đơn vị cấp huyện được công nhận là Đơn vị học tập mức độ 2 theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Điều 13. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện mức độ 3**

1. Tiêu chí 1: Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp huyện

a) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

b) Ban hành theo thẩm quyền các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

c) Tổ chức triển khai, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chương trình, kế hoạch thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

2. Tiêu chí 2: Huy động nguồn lực và tạo môi trường thuận lợi của chính quyền để thực hiện xây dựng xã hội học tập ở địa phương

a) Hằng năm bố trí đủ kinh phí từ ngân sách của huyện cho việc thực hiện xây dựng xã hội học tập theo qui định của pháp luật.

b) Có triển khai các hoạt động vận động, huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập ở địa phương theo chủ trương xã hội hóa và đạt kết quả tích cực.

c) Thực hiện đầy đủ các chính sách thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập do trung ương và tỉnh ban hành.

d) Có các hoạt động, mô hình thúc đẩy hợp tác quốc tế về giáo dục người lớn, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

**3. Tiêu chí 3: Kết quả xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp xã và đơn vị học tập cấp huyện**

a) Có ít nhất 90% số xã được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã mức độ 3 theo qui định tại điểm c khoản 2 Điều 10 của Thông tư này.

b) Có ít nhất 90% số cơ quan, đơn vị cấp huyện được công nhận là Đơn vị học tập mức độ 3 theo qui định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Mục 2. QUI TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN “CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” CẤP HUYỆN**

**Điều 14. Quy trình tự đánh giá và đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện**

1. Quy trình tự đánh giá

a) Phòng giáo dục và đào tạo xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

b) Các đầu việc tự đánh giá bao gồm:

- Bước 1: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
- Bước 2: Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.
- Bước 3: Viết báo cáo tự đánh giá và công bố báo cáo tự đánh giá.

2. Quy trình đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi tờ trình đề nghị sở giáo dục và đào tạo kiểm tra công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện theo mức độ.

b) Sở giáo dục và đào tạo tổ chức đánh giá, xem xét, quyết định công nhận huyện đạt “Cộng đồng học tập” cấp huyện theo các mức độ qui định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư này.

**Điều 15. Điều kiện và mức độ công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện**

1. Điều kiện công nhận:

Cấp huyện được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện khi đáp ứng đầy đủ mức đạt được theo từng tiêu chí qui định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 của Thông tư này.

2. Mức độ công nhận:

a) Mức độ 1: Huyện được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện mức độ 1 khi đáp ứng đầy đủ mức đạt được theo từng tiêu chí qui định tại Điều 11 của Thông tư này.

b) Mức độ 2: Huyện được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện mức độ 2 khi đáp ứng đầy đủ mức đạt được theo từng tiêu chí qui định tại Điều 12 của Thông tư này.

c) Mức độ 3: Huyện được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện mức độ 3 khi đáp ứng đầy đủ mức đạt được theo từng tiêu chí qui định tại Điều 13 của Thông tư này.

## **Chương IV**

### **ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN “CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” CẤP TỈNH**

#### **Mục 1. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN “CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” CẤP TỈNH**

##### **Điều 16. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh mức độ 1**

1. Tiêu chí 1: Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp tỉnh

a) Thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

b) Ban hành theo thẩm quyền các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

c) Tổ chức triển khai, thực hiện đầy đủ các chương trình, kế hoạch thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

2. Tiêu chí 2: Huy động nguồn lực và tạo môi trường thuận lợi của chính quyền để thực hiện xây dựng xã hội học tập ở địa phương

a) Hằng năm bố trí kinh phí từ ngân sách của tỉnh cho việc thực hiện xây dựng xã hội học tập theo qui định của pháp luật.

b) Có triển khai các hoạt động vận động, huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập ở địa phương theo chủ trương xã hội hóa .

c) Thực hiện các chính sách thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập do trung ương ban hành.

3. Tiêu chí 3: Kết quả xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp huyện và đơn vị học tập cấp tỉnh

a) 100% số huyện được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện mức độ 1 theo qui định tại điểm a khoản 2 Điều 15 của Thông tư này.

b) 100% cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được công nhận là Đơn vị học tập mức độ 1 theo qui định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 17. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh mức độ 2**

1. Tiêu chí 1: Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp tỉnh

a) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

b) Ban hành theo thẩm quyền các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

c) Tổ chức triển khai, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chương trình, kế hoạch thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

d) Có tổ chức các sự kiện hưởng ứng, tôn vinh khuyến học, khuyến tài, khuyến đọc, xây dựng xã hội học tập và các lễ hội, sự kiện văn hóa, nghệ thuật, góp phần đa dạng hóa các kênh học tập, lan tỏa văn hóa học tập suốt đời tại địa phương và tăng cường gắn kết cộng đồng, xã hội.

2. Tiêu chí 2: Huy động nguồn lực và tạo môi trường thuận lợi của chính quyền để thực hiện xây dựng xã hội học tập ở địa phương

a) Hằng năm bố trí kinh phí từ ngân sách của tỉnh cho việc thực hiện xây dựng xã hội học tập theo qui định của pháp luật.

b) Có triển khai các hoạt động vận động, huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập ở địa phương theo chủ trương xã hội hóa.

c) Thực hiện các chính sách thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập do trung ương ban hành.

d) Xây dựng, ban hành các chính sách thu hút, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân vào công tác xây dựng xã hội học tập.

đ) Xây dựng, ban hành các chính sách hỗ trợ người học có hoàn cảnh khó khăn, người dân tộc, thiếu số, người khuyết tật.

3. Tiêu chí 3: Kết quả xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp huyện và đơn vị học tập cấp tỉnh

a) 100% số huyện được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện mức độ 2 theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Thông tư này.

b) 100% cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được công nhận là Đơn vị học tập mức độ 2 theo qui định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 18. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh mức độ 3**

1. Tiêu chí 1: Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp tỉnh

a) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

b) Ban hành theo thẩm quyền các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

c) Tổ chức triển khai, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chương trình, kế hoạch thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập.

d) Có tổ chức các sự kiện hưởng ứng, tôn vinh khuyến học, khuyến tài, khuyến đọc, xây dựng xã hội học tập và các lễ hội, sự kiện văn hóa, nghệ thuật, góp phần đa dạng hóa các kênh học tập, lan toả văn hóa học tập suốt đời tại địa phương và tăng cường gắn kết cộng đồng, xã hội.

2. Tiêu chí 2: Huy động nguồn lực và tạo môi trường thuận lợi của chính quyền để thực hiện xây dựng xã hội học tập ở địa phương

a) Hàng năm bố trí đủ kinh phí từ ngân sách của tỉnh cho việc thực hiện xây dựng xã hội học tập theo qui định của pháp luật.

b) Có triển khai các hoạt động vận động, huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập ở địa phương theo chủ trương xã hội hóa và đạt kết quả tích cực.

c) Thực hiện đầy đủ các chính sách thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập do trung ương ban hành.

d) Xây dựng, ban hành các chính sách thu hút, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân vào công tác xây dựng xã hội học tập.

đ) Xây dựng, ban hành các chính sách hỗ trợ người học có hoàn cảnh khó khăn, người dân tộc, thiếu số, người khuyết tật.

e) Có các hoạt động, mô hình thúc đẩy hợp tác quốc tế về giáo dục người lớn, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

3. Tiêu chí 3: Kết quả xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp huyện và đơn vị học tập cấp tỉnh

a) 100% số huyện được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện mức độ 3 theo qui định tại điểm c khoản 2 Điều 15 của Thông tư này.

b) 100% cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được công nhận là Đơn vị học tập mức độ 3 theo qui định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Mục 2. QUI TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN “CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” CẤP TỈNH**

**Điều 19. Qui trình tự đánh giá và đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh**

1. Qui trình tự đánh giá

a) Sở giáo dục và đào tạo xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

b) Các đầu việc tự đánh giá bao gồm:

- Bước 1: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
- Bước 2: Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.
- Bước 3: Viết báo cáo tự đánh giá và công bố báo cáo tự đánh giá.

2. Quy trình đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân tỉnh gửi tờ trình đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra công nhận “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh theo mức độ.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức đánh giá, xem xét, quyết định công nhận tỉnh đạt “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh theo các mức độ qui định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư này.

### **Điều 20. Điều kiện và mức độ công nhận “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh**

1. Điều kiện công nhận:

Cấp tỉnh được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh khi đáp ứng đầy đủ mức đạt được theo từng tiêu chí qui định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 của Thông tư này.

2. Mức độ công nhận:

a) Mức độ 1: Tỉnh được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh mức độ 1 khi đáp ứng đầy đủ mức đạt được theo từng tiêu chí qui định tại Điều 16 của Thông tư này.

b) Mức độ 2: Tỉnh được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh mức độ 2 khi đáp ứng đầy đủ mức đạt được theo từng tiêu chí qui định tại Điều 17 của Thông tư này.

c) Mức độ 3: Tỉnh được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh mức độ 3 khi đáp ứng đầy đủ mức đạt được theo từng tiêu chí qui định tại Điều 18 của Thông tư này.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn sở giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện cho phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương.

2. Bố trí kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra, đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, “Cộng đồng học tập” cấp huyện.

3. Chỉ đạo sở giáo dục và đào tạo chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh tổ chức đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện của các huyện trong tỉnh.

### **Điều 22. Trách nhiệm của sở giáo dục và đào tạo**

1. Chủ trì tổ chức tự đánh giá “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh.

2. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện tại địa phương theo qui định tại Thông tư này.

3. Tổng hợp và báo cáo kết quả đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp xã.

2. Chỉ đạo phòng giáo dục và đào tạo chủ trì phối hợp với các phòng, ban, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện tổ chức đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã của các xã trên địa bàn.

### **Điều 24. Trách nhiệm của phòng giáo dục và đào tạo**

1. Chủ trì tổ chức tự đánh giá “Cộng đồng học tập” cấp huyện.

2. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã tại địa phương theo qui định tại Thông tư này.

3. Tổng hợp và báo cáo kết quả đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã về sở giáo dục và đào tạo.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 25. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày      tháng      năm 2023.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 44/2014/BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định về đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã.

3. Kết quả công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã mức độ 2 qui định tại Thông tư này tương đương với kết quả đánh giá, xếp loại Khá đối với “Cộng đồng học tập” cấp xã được qui định tại Thông tư số 44/2014/BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định về đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã.



4. Trường hợp các văn bản qui phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

**Điều 26.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

***Nơi nhận:***

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGDĐTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban quốc gia Đổi mới GDĐT;
- Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương;
- Như Điều 26;
- Bộ GDĐT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Hội Khuyến học Việt Nam;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDTX.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hữu Độ**

**Phụ lục 1. Tiêu chí đánh giá “Công dân học tập”**  
(Kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Công dân học tập”

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Điểm
<b>I</b>	<b>Tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức, cơ quan, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở trên địa bàn cấp xã</b>		
1	Tiêu chí 1: Năng lực tự học, học tập suốt đời (40 điểm)	1.1. Thường xuyên đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, tivi, trên mạng Internet, điện thoại thông minh.	10
		1.2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể qui định.	10
		1.3. Tính toán, xếp sắp hợp lý các công việc để có thời gian tham gia hoạt động văn hóa, khoa học, các hội nghị, hội thảo có nội dung cần thiết cho chuyên môn nghề nghiệp của bản thân.	10
		1.4. Quan tâm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để người thân trong gia đình và bạn bè, đồng nghiệp học tập thường xuyên, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao trình độ, năng lực.	10
2	Tiêu chí 2: Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc (40 điểm)	2.1. Sử dụng máy tính, điện thoại thông minh và các thiết bị số để truy cập internet nhằm học tập thường xuyên trên mạng, trao đổi thông tin điện tử, giao lưu trực tuyến, mua bán thông qua thiết bị điện tử, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; không vi phạm các qui định về an ninh, an toàn khi sử dụng mạng.	10
		2.2. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ và vị trí việc làm.	10
		2.3. Sắp xếp công việc một cách hợp lý, có sáng kiến, đổi mới sáng tạo để công việc có chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp tích cực cho cơ quan, đơn vị.	10
		2.4. Phân tích vấn đề rõ ràng, hợp lý, toàn diện, khách quan, logic, áp dụng trong xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch,	10

		nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội.	
3	Tiêu chí 3: Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội (20 điểm)	3.1. Xây dựng và tạo mối quan hệ thân thiện với mọi người, điều hòa các mâu thuẫn để tránh xung đột. Có trách nhiệm với gia đình, đơn vị công tác, tập thể lao động và cộng đồng xã hội. Tuân thủ pháp luật. Ứng xử có văn hóa, văn minh.	10
		3.2. Hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới, sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường. Thực hiện và vận động mọi người đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới, đô thị văn minh.	10
<b>II</b>	<b>Tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” áp dụng đối với người lao động trên địa bàn cấp xã</b>		
1	Tiêu chí 1: Năng lực tự học, học tập suốt đời (40 điểm)	1.1. Hằng ngày có dành thời gian đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, tivi, trên mạng Internet, điện thoại thông minh.	10
		1.2. Có tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, các thiết chế văn hóa, các trung tâm dạy nghề trong xã; học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc hoặc do doanh nghiệp, cơ sở sản xuất – kinh doanh qui định.	10
		1.3. Sắp xếp các công việc để có thời gian tham gia các hoạt động của các thiết chế văn hóa tại cộng đồng hoặc tham gia các cuộc vận động thi đua của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất – kinh doanh tổ chức.	10
		1.4. Quan tâm khuyến khích, tạo điều kiện để người thân trong gia đình và bạn bè, đồng nghiệp học tập thường xuyên, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, tay nghề.	10
2	Tiêu chí 2: Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc (40 điểm)	2.1. Sử dụng được một hoặc nhiều thiết bị phục vụ học tập suốt đời như: Máy vi tính, điện thoại thông minh, các thiết bị điện tử để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, kết nối với đồng nghiệp để chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ. Sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Không vi	10

		phạm các qui định về an ninh, an toàn khi sử dụng mạng.	
		2.2. Sử dụng được ngoại ngữ để hiểu được những hướng dẫn cơ bản khi sử dụng sản phẩm gia dụng, chăn nuôi, trồng trọt, sử dụng thiết bị sản xuất.	10
		2.3. Biết tính toán để hợp lý hóa các thao tác trong sản xuất, kinh doanh; cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động; nâng cao tay nghề và kỹ năng nghề nghiệp.	10
		2.4. Biết phân tích, định ra những phương án, giải pháp hợp lý để áp dụng trong lao động, sản xuất, kinh doanh và hoạt động xã hội.	10
3	Tiêu chí 3: Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội (20 điểm)	3.1. Xây dựng được mối quan hệ gắn kết với nhân dân nơi sinh sống. Có trách nhiệm với gia đình, đơn vị công tác, tập thể lao động và cộng đồng xã hội. Tuân thủ pháp luật. Ứng xử có văn hóa, văn minh.	10
		3.2. Hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới, sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường. thực hiện và vận động mọi người đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới, đô thị văn minh.	10

## 2. Nguyên tắc đánh giá, công nhận “Công dân học tập”

a) Việc đánh giá, công nhận “Công dân học tập” phải căn cứ vào kết quả đạt được, thông qua các minh chứng phù hợp với các tiêu chí được qui định mục 1 Phụ lục 1 của Thông tư này.

b) Đánh giá “Công dân học tập” bằng hình thức cho điểm; mỗi chỉ số đánh giá cho điểm từ 1 đến 10, tổng điểm tối đa của 10 chỉ số sẽ là 100 điểm.

c) Những người đạt từ 80 điểm trở lên, trong đó không có chỉ số nào đạt điểm dưới 5; riêng đối với những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì đạt từ 70 điểm trở lên sẽ đạt tiêu chí công nhận “Công dân học tập”.

d) Chỉ công nhận danh hiệu “Công dân học tập” đối với những người có đăng ký danh hiệu “Công dân học tập”.

## 3. Qui trình đánh giá, công nhận “Công dân học tập”

a) Qui trình đánh giá, công nhận “Công dân học tập” áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức, cơ quan, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở (sau đây gọi chung là cơ quan) trên địa bàn cấp xã:

- Thủ trưởng cơ quan giao tổ chức Công đoàn cơ quan chủ trì tổ chức đánh giá, công nhận “Công dân học tập”.

- Tổ chức Công đoàn cơ quan tổng hợp danh sách cán bộ, công chức, viên chức đạt tiêu chí công nhận “Công dân học tập” trình Thủ trưởng cơ quan xem xét, quyết định công nhận cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

b) Qui trình đánh giá, công nhận “Công dân học tập” áp dụng đối với người lao động trên địa bàn cấp xã

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Hội khuyến học cấp xã chủ trì tổ chức đánh giá, công nhận “Công dân học tập” đối với người lao động nông thôn.

- Hội khuyến học cấp xã tổng hợp danh sách những người đạt tiêu chí công nhận “Công dân học tập” trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận người lao động nông thôn đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

**Phụ lục 2. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Gia đình học tập”**  
(Kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Gia đình học tập”

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Điểm
1	Tiêu chí 1: Kết quả học tập của gia đình (60 điểm)	1.1. Trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường, hoàn thành phổ cập giáo dục theo qui định	10
		1.2. Kết quả học tập của học sinh, sinh viên phải đạt yêu cầu do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định. Ngay từ bậc tiểu học, trẻ em đã có kỹ năng tối thiểu học tập trực tuyến do nhà trường tổ chức theo qui định	10
		1.3. Hạnh kiểm của học sinh, sinh viên phải đạt yêu cầu theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trẻ em phải lễ phép với mọi người trong gia đình, khu dân cư và ngoài xã hội	5
		1.4. Đoàn viên thanh niên phải hoàn thành tốt nhiệm vụ và chỉ tiêu phấn đấu theo qui định của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tích cực tham gia các hoạt động chung ở địa phương nơi cư trú	5
		1.5. 100% người trong độ tuổi từ 15-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 theo qui định của Chính phủ; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên Người cao tuổi còn sức khỏe tham gia học tập ít nhất 01 nội dung bổ ích, phục vụ cho cuộc sống hàng ngày	15
		1.6. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong gia đình được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên đổi số, kỹ năng số và chuyên môn theo qui định của Nhà nước đạt từ 90% trở lên	05
		1.7. Tỷ lệ người lớn là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được	05

		tìm hiểu hoặc học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống đạt từ 70% trở lên	
		1.8. Tỷ lệ người lớn trong gia đình đạt danh hiệu công dân học tập đạt từ 40% trở lên	05
2	Tiêu chí 2: Điều kiện học tập của gia đình (20 điểm)	2.1. Mọi người trong gia đình giúp đỡ nhau, tạo điều kiện học tập tại trường học, trung tâm học tập cộng đồng, nhà văn hóa, thư viện....., dự các hội nghị, hội thảo. Gia đình có hình thức khen thưởng, động viên các thành viên trong gia đình tích cực tự học, học tập thường xuyên	10
		2.2. Gia đình có góc học tập cho trẻ em, có sách báo, ti vi, máy tính nối mạng hoặc điện thoại thông minh để mọi người có điều kiện tự học và học tập thường xuyên	5
		2.3. Người lớn là cán bộ, công chức, viên chức trong gia đình biết ít nhất 01 ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số (theo qui định) để sử dụng vào công việc	5
3	Tiêu chí 3: Tác dụng của học tập đối với gia đình (20 điểm)	3.1. Gia đình biết xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, góp phần tích cực phát triển kinh tế gia đình và địa phương. Gia đình thoát nghèo hoặc có cuộc sống khá trở lên, ai cũng có nghề hoặc việc làm ổn định (trừ những người đã hết tuổi lao động).	10
		3.2. Gia đình sống hòa thuận, gắn bó, chia sẻ với các gia đình trong thôn, bản, tổ dân phố. Tích cực tham gia công tác khuyến học, các cuộc vận động như “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào khác ở địa phương. Tích cực gìn giữ môi trường xanh, sạch, đẹp; thực hiện tốt qui định của pháp luật	10

## 2. Nguyên tắc đánh giá, công nhận “Gia đình học tập”

a) Việc đánh giá, công nhận “Gia đình học tập” phải căn cứ vào kết quả đạt được, thông qua các minh chứng phù hợp với các tiêu chí được qui định mục 1 Phụ lục 2 của Thông tư này.

b) Đánh giá “Gia đình học tập” bằng hình thức cho điểm. Tổng số điểm tối đa cho tất cả các tiêu chí là 100 điểm. Các tiêu chí không có minh chứng phù hợp không được chấm điểm.

c) Những gia đình trên địa bàn cấp xã đạt từ 80 điểm trở lên, trong đó không có chỉ số bị điểm 0 sẽ đạt tiêu chí công nhận “Gia đình học tập”.

## 3. Qui trình đánh giá, công nhận “Gia đình học tập”

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Hội khuyến học cấp xã chủ trì tổ chức đánh giá, công nhận “Gia đình học tập”.

- Hội khuyến học cấp xã tổng hợp danh sách gia đình đạt tiêu chí công nhận “Gia đình học tập” trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận danh hiệu “Gia đình học tập”.



**Phụ lục 3. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Dòng họ học tập”**  
(Kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Dòng họ học tập”

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Điểm
1	Tiêu chí 1: Kết quả học tập của dòng họ (55 điểm)	1.1. Tỷ lệ số gia đình trong dòng họ đạt danh hiệu “Gia đình học tập” đạt từ 80% trở lên. (đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn đạt từ 60% trở lên) Trẻ khuyết tật cũng được học tập (trừ trường hợp ốm đau, bệnh tật quá nặng hoặc không có khả năng học tập).	20
		Tỷ lệ đoàn viên, thanh niên trong dòng họ theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc đạt từ 90% trở lên	
		1.2. 100% người trong độ tuổi từ 15-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 theo qui định của Chính phủ; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn đạt từ 90% trở lên	15
		1.3. 40% người lớn trong dòng họ đạt danh hiệu “Công dân học tập”	20
2	Tiêu chí 2: Điều kiện học tập của dòng họ (25 điểm)	2.1. Dòng họ có các hình thức động viên, khen thưởng kịp thời đối với những thành viên có tinh thần tự học và tham gia học tập thường xuyên, giúp đỡ các gia đình khó khăn, bảo đảm con em trong dòng họ đều được đi học và đạt yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo	15
		2.2. Quỹ Khuyến học của dòng họ đạt từ 32.000- 35.000 đồng/đầu người trở lên	10
3	Tiêu chí 3: Tác dụng của học tập đối với dòng họ (20 điểm)	3.1. Trong dòng họ không có hộ nghèo. Các gia đình trong dòng họ đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Mọi người trong độ tuổi lao động đều có nghề hoặc việc làm ổn định	10
		3.2. Dòng họ tích cực tham gia các phong trào: xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, phát triển văn hóa đọc, tham gia học tập trong trung tâm học tập cộng đồng, nhà văn hóa, thư viện... và các phong trào khác liên quan của địa phương	10

## 2. Nguyên tắc đánh giá, công nhận “Dòng họ học tập”

a) Việc đánh giá, công nhận “Dòng họ học tập” phải căn cứ vào kết quả đạt được, thông qua các minh chứng phù hợp với các tiêu chí được qui định mục 1 Phụ lục 3 của Thông tư này.

b) Đánh giá “Dòng họ học tập” bằng hình thức cho điểm. Tổng số điểm tối đa cho tất cả các tiêu chí là 100 điểm. Các tiêu chí không có minh chứng phù hợp không được chấm điểm.

c) Những dòng họ trên địa bàn cấp xã đạt từ 80 điểm trở lên, trong đó không có chỉ số bị điểm 0 sẽ đạt tiêu chí công nhận “Dòng họ học tập”.

## 3. Qui trình đánh giá, công nhận “Dòng họ học tập”

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Hội khuyến học cấp xã chủ trì tổ chức đánh giá, công nhận “Gia đình học tập”.

- Hội khuyến học cấp xã tổng hợp danh sách những dòng họ trên địa bàn cấp xã đạt tiêu chí công nhận “Dòng họ học tập” trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận dòng họ đạt danh hiệu “Dòng họ học tập”.

**Phụ lục 4. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp thôn, bản, tổ dân phố và tương đương**  
(Kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp thôn, bản, tổ dân phố và tương đương (sau đây gọi chung là thôn)

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Điểm
1	Tiêu chí 1: Kết quả học tập của cộng đồng (50 điểm)	1.1. Tỷ lệ số gia đình trong thôn, bản, tổ dân phố đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình học tập” đạt từ 80% trở lên, trong đó số gia đình đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình học tập” đạt 70% trở lên. Đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn số gia đình trong thôn, bản, tổ dân phố đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình học tập” đạt từ 70% trở lên, trong đó số gia đình đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình học tập” đạt 60% trở lên	20
		1.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động đạt danh hiệu công dân học tập đạt từ 40% trở lên. Tỷ lệ đoàn viên, thanh niên trong cộng đồng theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc đạt từ 90% trở lên	20
		1.3. 100% người lớn học tập thường xuyên; tối thiểu đạt chuẩn biết chữ mức độ 1. 100% người trong độ tuổi từ 15-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 theo qui định của Chính phủ; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn đạt từ 90% trở lên	10
2	Tiêu chí 2: Điều kiện học tập của cộng đồng (30 điểm)	2.1. Chi bộ đảng và thôn, bản, tổ dân phố có kế hoạch và chỉ tiêu phấn đấu xây dựng các mô hình: gia đình học tập, cộng đồng học tập, công dân học tập	15
		2.2. Chi hội Khuyến học của thôn, bản, tổ dân phố tổ chức động viên, khen thưởng kịp thời với những người tích cực học tập thường xuyên. Quỹ khuyến học của thôn, bản, tổ dân phố đạt mức từ 32.000đ - 35.000đ/đầu người trở lên	10
		2.3. Trong thôn, bản, tổ dân phố có ít nhất 02 trong các phương tiện học tập cộng đồng (tủ sách, thư viện, phòng sinh hoạt chung, phương tiện truyền thanh, truyền hình, máy tính...)	10
3	Tiêu chí 3: Tác	3.1. Trong thôn, bản, tổ dân phố, mọi người	10

dụng của học tập đối với cộng đồng (20 điểm)	trong tuổi lao động ai cũng có việc làm. Không có hộ nghèo	10
	3.2. Nhân dân trong thôn, bản, tổ dân phố tích cực tham gia học tập tại trung tâm học tập cộng đồng, nhà văn hóa, thư viện; triển khai/tham gia các cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, “xây dựng nông thôn mới”, “xây dựng khu đô thị văn minh”	

## 2. Nguyên tắc đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp thôn

a) Việc đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp thôn phải căn cứ vào kết quả đạt được, thông qua các minh chứng phù hợp với các tiêu chí được qui định mục 1 Phụ lục 4 của Thông tư này.

b) Đánh giá “Cộng đồng học tập” cấp thôn bằng hình thức cho điểm. Tổng số điểm tối đa cho tất cả các tiêu chí là 100 điểm. Các tiêu chí không có minh chứng phù hợp không được chấm điểm.

c) Những thôn đạt từ 80 điểm trở lên, trong đó không có chỉ số bị điểm 0 sẽ đạt tiêu chí công nhận “Cộng đồng học tập” cấp thôn.

## 3. Qui trình đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp thôn

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Hội khuyến học cấp xã chủ trì tổ chức đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp thôn.

- Hội khuyến học cấp xã tổng hợp danh sách những thôn trên địa bàn cấp xã đạt tiêu chí công nhận “Cộng đồng học tập” cấp thôn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận thôn đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập” cấp thôn.

**Phụ lục 5. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp xã (áp dụng đối với các tổ chức, cơ quan, trường học, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn cấp xã)**

(Kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tiêu chí đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp xã

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Điểm
1	Tiêu chí 1: Kết quả học tập của đơn vị (50 điểm)	1.1. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được cung cấp, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng sống cần thiết đạt từ 90% trở lên.	10
		1.2. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập các chương trình theo quy định của nhà nước, của đơn vị hoặc của đoàn thể đạt từ 90% trở lên	5
		1.3. Tỷ lệ lao động trong các doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể có trình độ trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên đạt từ 90% trở lên	5
		1.4. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về chuyên đổi số, kỹ năng số để sử dụng các thiết bị số trong công việc đạt từ 90% trở lên	5
		1.5. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công việc đạt từ 40% trở lên	5
		1.6. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu “Công dân học tập” đạt từ 60% trở lên.	20
2	Tiêu chí 2: Điều kiện học tập của đơn vị (30 điểm)	2.1. Đơn vị có kế hoạch, có chỉ tiêu thi đua hàng năm đối với việc học tập trong đơn vị, tạo môi trường thuận lợi để các thành viên phấn đấu trở thành công dân học tập; bố trí kinh phí hàng năm cho công tác đào tạo. Các tổ chức đoàn thể trong đơn vị có giải pháp và trách nhiệm động viên, thúc đẩy thành viên của mình học tập thường xuyên đạt kết quả tốt.	10
		2.2. Đơn vị có các phương tiện phục vụ cho việc học tập thường xuyên của các thành viên, nhất là các trang thiết bị kỹ thuật số để học tập và truy cập thông tin chính thống trên mạng internet.	10
		2.3. Tổ chức khuyến học của đơn vị hoạt động có nề nếp, hiệu quả. Xây dựng Quỹ khuyến học của đơn vị, phấn đấu đạt mức	10

		bình quân từ 32.000đ – 35.000đ/đầu người trở lên.	
3	Tiêu chí 3: Tác dụng của học tập đối với đơn vị (20 điểm)	3.1. Hằng năm, đơn vị đạt danh hiệu thi đua từ “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ với Nhà nước; không vi phạm pháp luật. Các thành viên trong đơn vị tích cực tham gia các cuộc vận động trong cộng đồng.	10
		3.2. Gia đình của các thành viên thuộc đơn vị đều đăng ký phấn đấu xây dựng “Gia đình học tập”, trong đó số gia đình đạt danh hiệu “Gia đình học tập” đạt từ 80% trở lên.	10

## 2. Nguyên tắc đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp xã

- a) Việc đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp xã phải căn cứ vào kết quả đạt được, thông qua các minh chứng phù hợp với các tiêu chí được quy định mục 1 Phụ lục 5 của Thông tư này.
- b) Đánh giá “Đơn vị học tập” cấp xã bằng hình thức cho điểm. Tổng số điểm tối đa cho tất cả các tiêu chí là 100 điểm. Các tiêu chí không có minh chứng phù hợp không được chấm điểm.
- c) Những tổ chức, cơ quan, trường học, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn cấp xã đạt từ 80 điểm trở lên, trong đó không có chỉ số bị điểm 0 được công nhận là “Đơn vị học tập” cấp xã.

## 3. Qui trình đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp xã

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Hội khuyến học cấp xã chủ trì tổ chức đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp xã.
- Hội khuyến học cấp xã tổng hợp danh sách những tổ chức, cơ quan, trường học, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn cấp xã đạt tiêu chí công nhận “Đơn vị học tập” cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận tổ chức, cơ quan, trường học, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đạt danh hiệu “Đơn vị học tập” cấp xã.